



FCC

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VÀ KHỬ TRÙNG FCC

☆☆☆

THỦ TỤC KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

BẢN CHÍNH

KÝ HIỆU TÀI LIỆU : TT- 7.5d
LẦN BAN HÀNH : 8
NGÀY : 01/08/2026
TỔNG SỐ TRANG : 20

Soạn thảo :		Xem xét :		Chấp thuận :	
Phạm Thị Hoa QM		Phạm Thị Hoa QM		Trần Phương Tổng Giám đốc	
SOẠN THẢO/SỬA ĐỔI				BỘ PHẬN SỬ DỤNG	
LẦN BAN HÀNH	NGÀY	NỘI DUNG			
1	02/01/2009	Ban hành mới		Ban Giám đốc	
2	02/11/2012	Sửa đổi toàn bộ		Ban Quản lý chất lượng	
	31/12/2013	Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thay thế 24/2007/QĐ-BKHCN		Ban Tài chính Kế toán	
				Ban Tổ chức Hành chính	
				Ban Kế hoạch Kinh doanh	
3	01/04/2015	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN thay thế quyết định 24/2007/QĐ-BKHCN		Ban Đầu tư và Phát triển	
		- TCVN ISO/IEC 17065 thay thế TCVN 7457		Ban Giám định Nông sản	
		- Bỏ TT-7.5đ/BM1		Ban Phân tích Cơ lý	
				Ban Giám định Công nghiệp	
				Ban thử nghiệm Vật liệu	
				Ban Giám định Hóa	
				Ban Phân tích Hoá sinh	
4	05/11/2018	Cập nhật tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17067:2015		Ban Khử trùng	
		Sửa đổi phụ lục 1.		Ban Giám định Hàng hải	
5	10/04/2021	Bổ sung thông tư 02/2017		Ban Giám định Xây dựng	
		Sửa đổi mục 6.3, 6.6 và phụ lục 1		Ban Kiểm tra hàng hóa quản lý nhà nước	
6	15/12/2022	Bổ sung phụ lục 2		Chi nhánh Hà nội	
		Cập nhật Biểu mẫu tiêu để chứng thư chứng nhận		Chi nhánh Hải Phòng	
				Chi nhánh Quảng Ninh	
7	25/04/2023	Sửa đổi phương thức chứng nhận VietGAP và phụ lục 1		Chi nhánh Đà Nẵng	
8	01/08/2026	Cập nhật thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026, thông tư 36/2026/TT-BKHCN, Thông tư 33/2026/TT-BCT, Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT		Chi nhánh Quy Nhơn	

1. Mục đích

Tài liệu này đưa ra những quy định phải tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ chứng nhận sản phẩm của FCC để đảm bảo rằng quá trình này được tiến hành trong điều kiện có kiểm soát, dịch vụ cung cấp đạt chất lượng ổn định và đúng cam kết với khách hàng.

2. Phạm vi

Áp dụng đối với các dịch vụ chứng nhận sản phẩm do FCC thực hiện.

3. Tài liệu tham khảo

- TCVN ISO/IEC 17065:2013
- TCVN ISO/IEC 17067:2015
- TCVN ISO 9001
- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
- Thông tư 33/2026/TT-BCT ngày 30/06/2026 Ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
- Thông tư 36/2026/TT-BKHCN ngày 30/06/2026 Ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

4. Trách nhiệm quyền hạn

Tổng Giám đốc (TGD-MA):

- Phê duyệt thủ tục này và các sửa đổi sau đó
- Đảm bảo các nguồn lực cần thiết

Ban Quản lý chất lượng (QM)

- Duy trì áp dụng, cải tiến thủ tục
- Phối hợp với các trưởng đơn vị nghiệp vụ thực hiện kiểm tra chất lượng dịch vụ toàn Công ty.

Các trưởng đơn vị chức năng:

- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của các đơn vị nghiệp vụ (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ

Các trưởng đơn vị nghiệp vụ

- Kiểm soát quá trình thực hiện dịch vụ trong phạm vi đơn vị
- Lưu hồ sơ thực hiện tương ứng theo qui định trong TT – 4.2.4

Ban Kế hoạch – Kinh doanh (BP):

- Theo dõi tiến độ thực hiện dịch vụ toàn Công ty

5. Diễn giải

- Tổ chức được chứng nhận (Tổ chức) là doanh nghiệp; Cơ sở sản xuất (hợp tác xã, tổ hợp tác, hiệp hội; trang trại, hộ gia đình, ...).
- Chứng nhận sản phẩm: hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm so với chuẩn mực của bên thứ ba
- Chuẩn mực chứng nhận: Các tiêu chuẩn (TCVN, ASTM...), quy chuẩn (QCVN), quy định/quy phạm về chứng nhận sản phẩm.
- Chứng chỉ: giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp chuẩn mực đối với kết quả đánh giá sự phù hợp do FCC cung cấp.
- Chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện đối với sản phẩm, hàng hoá là đối tượng áp dụng của các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế tương ứng.
- Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, yêu cầu quản lý về môi trường là đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Kiểu sản phẩm, hàng hoá là sản phẩm, hàng hoá cụ thể, được nhận diện bằng mã hiệu, tên gọi hoặc ký hiệu thương mại của nhà sản xuất và được xác định bởi một tập hợp các thông số kỹ thuật cụ thể.
- Loại sản phẩm, hàng hoá là tập hợp các kiểu sản phẩm, hàng hoá có cùng tính chất, công dụng, thành phần cấu tạo, thiết kế cơ bản, cấu trúc kỹ thuật và nguyên lý hoạt động, trong đó các đặc tính thiết kế là yếu tố chủ yếu quyết định sự phù hợp của loại sản phẩm, hàng hoá với các yêu cầu kỹ thuật, an toàn áp dụng là như nhau, mặc dù có thể khác nhau về một số thông số kỹ thuật cụ thể.
- Nhóm sản phẩm, hàng hoá là tập hợp các sản phẩm, hàng hoá gồm một hoặc nhiều loại và/hoặc nhiều kiểu có tương đồng về tính chất, công dụng, thành phần cấu tạo, thiết kế cơ bản, nguyên lý hoạt động và mục đích sử dụng chính, trong đó sự khác biệt giữa các sản phẩm trong nhóm không làm thay đổi sự phù hợp đối với các yêu cầu kỹ thuật, an toàn áp dụng.
- Mẫu đại diện là mẫu được lấy theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng và đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng hóa.
- Bộ hồ sơ dịch vụ: giấy yêu cầu/hợp đồng dịch vụ; các thông tin bằng văn bản liên quan đến quá trình thực hiện dịch vụ do khách hàng cung cấp; biên bản, báo cáo quá trình thực hiện dịch vụ; chứng chỉ (giấy chứng nhận)
- Các đơn vị chức năng: QM, HRA, FN, BP, ban ID, phòng/bộ phận chức năng chi nhánh
- Các đơn vị nghiệp vụ: CE, AP, FU, IP, IC, MR, BC, GP, phòng/bộ phận nghiệp vụ chi nhánh

6. Nội dung

6.1. Quy định chung: Các đơn vị nghiệp vụ phải:

- Thực hiện dịch vụ, theo dõi, giám sát, kiểm tra, chuyển giao sản phẩm và các hoạt động sau chuyển giao.
- Sử dụng các công cụ, dụng cụ, thiết bị và môi trường thích hợp.
- Bảo trì máy móc, thiết bị liên quan đến thực hiện dịch vụ theo đúng kế hoạch; theo dõi, thực hiện sửa chữa để đảm bảo sự ổn định và chất lượng trong công việc.
- Quy định về tay nghề và thiết lập rõ ràng các tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhân viên.
- Đảm bảo các kết quả thực hiện dịch vụ được ghi trên chứng chỉ của FCC phải chính xác, rõ ràng, khách quan bao gồm cả các thông tin mà khách hàng yêu cầu và cần thiết để nhận xét, diễn giải kết quả. Trường hợp trên chứng chỉ có kết quả của PTN hợp đồng phụ thì các kết quả này phải được chỉ ra khi khách hàng yêu cầu.
- Việc sửa đổi nội dung chứng chỉ sau khi đã ban hành được thực hiện dưới dạng phụ lục chứng chỉ hoặc phát hành chứng chỉ mới kèm theo các ghi chú và thông tin liên quan ở trang đầu tiên của chứng chỉ.
- Báo cáo đánh giá, chứng chỉ: Trong trường hợp các tổ chức có thẩm quyền (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ) quy định biểu mẫu báo cáo đánh giá, chứng nhận trong chuẩn mực chứng nhận hoặc tài liệu khác của tổ chức này thì báo cáo, chứng nhận được lập theo các quy định tương ứng. Ngược lại sẽ áp dụng các biểu mẫu do FCC quy định.

6.2 Phương thức đánh giá

Các phương thức đánh giá sự phù hợp theo Thông tư 14/2026/TT-BKHCN :

- Phương thức 1: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa
- Phương thức 2: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường;
- Phương thức 3: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất

- Phương thức 4: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường;
- Phương thức 5: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường;
- Phương thức 6: Chứng nhận thông qua đánh giá và giám sát hệ thống quản lý
- Phương thức 7: Chứng nhận thông qua thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hoá
- Phương thức 8: Chứng nhận thông qua thử nghiệm hoặc giám định toàn bộ sản phẩm, hàng hoá

Các phương thức đánh giá sự phù hợp theo TCVN ISO/IEC 17067:2015:

- Phương thức 1a : thử nghiệm mẫu điển hình;
- Phương thức 2 : thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất /HTCL, giám sát thông qua thử nghiệm/giám định mẫu lấy trên thị trường;
- Phương thức 3 : thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất /HTCL; giám sát thông qua thử nghiệm/giám định mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;
- Phương thức 4 : thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất /HTCL; giám sát thông qua thử nghiệm/giám định mẫu lấy tại nơi sản xuất và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;
- Phương thức 5 : thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất /HTCL; giám sát thông qua thử nghiệm/giám định mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc/và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất hoặc/và HTCL;
- Phương thức 6 : đánh giá quá trình/dịch vụ và HTCL và giám sát đánh giá quá trình /dịch vụ và HTCL;
- Phương thức 1b : thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hoá;
- Căn cứ để lựa chọn phương thức chứng nhận thích hợp tùy thuộc vào chủng loại sản phẩm, phân loại mức độ rủi ro của sản phẩm (Rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp) và qui định của luật pháp (tham khảo phụ lục II của Thông tư 14/2026/TT-BKHCN : Nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp)
- Với cách phân loại của TCVN ISO/IEC 17067:2015 thì Phương thức 5 là phương thức chứng nhận sản phẩm chặt chẽ và tin cậy nhất trong các phương thức chứng nhận sản phẩm.

6.3 Các dịch vụ chứng nhận sản phẩm của FCC:

- Phương thức 5 (theo Thông tư 14/2026/TT-BKHCN) : Chứng nhận phân bón, sản phẩm dệt may sản xuất trong nước, chứng nhận sản phẩm hữu cơ trồng trọt
- Phương thức 7 (theo Thông tư 14/2026/TT-BKHCN) : Chứng nhận các lô phân bón, Thép nhập khẩu, chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước theo lô (dệt may, thép)
- Chứng nhận VietGAP: Phương thức 6 hoặc phương thức 3 hoặc phương thức 5 (theo thông tư 14/2026/TT-BKHCN)

6.4 Chuẩn mực chứng nhận và cách thức đánh giá

Tùy thuộc chủng loại sản phẩm, sau khi xác định phương thức đánh giá, các đơn vị có liên quan xác định chuẩn mực chứng nhận tương ứng (VietGAP, TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, QCVN, ...) và cách thức đánh giá được quy định trong chuẩn mực, thủ tục kiểm soát quá trình, hướng dẫn công việc, tiêu chuẩn về lấy mẫu, thử nghiệm mẫu được viện dẫn trong các chuẩn mực chấp nhận có liên quan. (Phụ lục 1)

Cách thức đánh giá cơ bản theo phương thức 3,5,6,7 có các dạng như sau:

- Lấy mẫu
- Thử nghiệm mẫu đại diện của lô hàng, đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm
- Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất (3,5,6): Việc đánh giá quá trình sản xuất phải xem xét đầy đủ tới các điều kiện kiểm soát của nhà sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm nhằm đảm bảo duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Các điều kiện kiểm soát bao gồm:
 - a) Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);
 - b) Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm;
 - c) Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm;
 - d) Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;
 - đ) Kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;
 - e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

Trường hợp nhà sản xuất đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm, hàng hoá được đánh giá, không cần phải đánh giá quá trình sản xuất.
- Đánh giá sự phù hợp của HTQL (3,5,6)
- Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp
- Kết luận về sự phù hợp.
- Giám sát ((3,5,6)

6.5 Hình thức đánh giá theo phương thức 3,5,6:

- Đánh giá lần đầu được thực hiện sau khi cơ sở sản xuất ký hợp đồng chứng nhận.
- Đánh giá hành động khắc phục được thực hiện sau khi cơ sở sản xuất được đánh giá nhưng chưa đủ điều kiện được cấp hoặc duy trì hoặc mở rộng hoặc cấp lại Giấy chứng nhận. Thời hạn thực hiện hành động khắc phục tối đa 1- 3 tháng tùy loại hình đánh giá kể từ ngày phát hành biên bản đánh giá.
- Đánh giá lại được thực hiện khi cơ sở sản xuất yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực.
- Đánh giá giám sát được thực hiện sau khi được cấp Giấy chứng nhận. Đánh giá giám sát có thể thực hiện định kỳ (báo trước) hoặc đột xuất (không báo trước); số lần đánh giá giám sát tùy trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo việc duy trì chuẩn mực của cơ sở sản xuất :
 - + Chứng nhận phân bón, dệt may phương thức 5: Đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/ 1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát tiếp theo không vượt quá 24 tháng/ lần tính từ thời điểm ngày kết thúc giám sát trước đó.
 - + Chứng nhận VietGAP, Hữu cơ trồng trọt: Đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/ 1 lần.
- Đánh giá đột xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Khi có khiếu nại về việc cơ sở sản xuất không tuân thủ chuẩn mực;
 - b) Khi phát hiện sản phẩm được chứng nhận không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm;
 - c) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

6.6 Trình tự và nội dung đánh giá

TT	Nội dung	Trách nhiệm	Biểu mẫu/ Tài liệu
1	Đăng ký chứng nhận - Tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm - Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, tiến hành xem xét/kiểm tra hồ sơ và thông báo cho Tổ chức bổ sung hồ sơ còn thiếu. - Khi hồ sơ đã hợp lệ, tiến hành thỏa thuận kí hợp đồng với Tổ chức xin cấp chứng nhận nếu cần thiết. - Cấp số Job, ghi sổ và chuyển hồ sơ đến các đơn vị liên quan	BP (phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ)	-Giấy đăng ký chứng nhận, TT-7.2 -Phiếu kiểm tra hồ sơ -Hợp đồng chứng nhận -TT – 7.5.3a
2	Chuẩn bị đánh giá - Xác định phương thức chứng nhận, chuẩn mực chứng nhận và các yêu cầu - Phân công người thực hiện (phương thức 7) - Lập kế hoạch đánh giá (phương thức 3, 5, 6) - Gửi kế hoạch đánh giá đến Tổ chức. Trước ngày đánh giá, đánh giá viên phải chắc chắn rằng Tổ chức đã nhận được kế hoạch đánh giá và không còn bất cứ phản hồi nào.	Đơn vị nghiệp vụ	-Phân công -Kế hoạch đánh giá
3	Đánh giá, báo cáo đánh giá • Phương thức 3,5,6: - Khảo sát thực tế nếu cần - Lấy mẫu đại diện - Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm - Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất - Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp - Kết luận về sự phù hợp - Lập báo cáo đánh giá • Phương thức 7: - Lấy mẫu đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng. Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu - Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm - Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp - Kết luận về sự phù hợp của lô sản phẩm - Lập báo cáo đánh giá	Đơn vị nghiệp vụ	HDCV của các đơn vị nghiệp vụ Phụ lục 1 Phụ lục 2 HDCV của các đơn vị nghiệp vụ Phụ lục 1
4	Theo dõi khắc phục sự không phù hợp (nếu có) - Nếu nhà sản xuất chưa đủ điều kiện để chứng nhận, yêu cầu Tổ chức khắc phục sai lỗi trong một thời hạn nhất định (tối đa 1- 3 tháng tùy loại hình đánh giá). Sau khi khắc phục sai lỗi, Tổ chức gửi báo cáo khắc phục sai lỗi về Tổ chức Chứng nhận để kiểm tra lại. - Đánh giá viên cần nhắc việc thực hiện các cuộc đánh giá lại tại Tổ chức (1 lần) dựa vào bản chất các điểm không phù hợp hoặc dựa vào hồ sơ khắc phục của Tổ chức.	Đơn vị nghiệp vụ	

5	Thẩm xét báo cáo - Kiểm tra bộ hồ sơ dịch vụ, báo cáo đánh giá - So sánh với các chuẩn mực, điều kiện chứng nhận - Đánh giá, kết luận về sự phù hợp	Người thẩm xét	
6	Cấp, duy trì, mở rộng phạm vi, cấp lại, cảnh cáo, đình chỉ hay hủy bỏ kết quả chứng nhận, hoàn tất dịch vụ - Cấp, duy trì, mở rộng phạm vi, cảnh cáo, đình chỉ hay hủy bỏ kết quả chứng nhận - Kiểm tra chứng chỉ và các phụ lục (phê duyệt, đóng dấu) - Lập hồ sơ thanh toán, phí chứng nhận theo hợp đồng thỏa thuận - Chuyển giao khách hàng - Lưu hồ sơ	TGD/GĐ/người được ủy quyền BP phối hợp các đơn vị nghiệp vụ	TT-7.5c TT - 4.2.4
7	Sử dụng logo - Tổ chức được sử dụng dấu hiệu chứng nhận, dấu hợp chuẩn, hợp quy theo qui định của TT-14/CN	Tổ chức được chứng nhận	
8	Giám sát định kỳ. • Phương thức 3,5,6 - Lấy mẫu đại diện tại nơi sản xuất (PT3) - Lấy mẫu đại diện tại nơi sản xuất hoặc thị trường/ hoặc lấy tại 2 nơi (PT5) - Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm (PT 3,5) - Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất (3,5,6) - Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp - Kết luận về sự phù hợp - Lập báo cáo đánh giá - Lập lại từ bước 4	Đơn vị nghiệp vụ	HDCV của các đơn vị nghiệp vụ
9	Đánh giá lại - Trước khi giấy chứng nhận hết hiệu lực 2 tháng, FCC sẽ thông báo với Tổ chức để tiến hành đánh giá lại. Đánh giá lại được tiến hành như đánh giá lần đầu (phương thức 3,5,6)	Đơn vị nghiệp vụ	

7. Biểu mẫu và các phụ lục

7.1 Biểu mẫu

- Biểu mẫu tiêu đề giấy chứng thư chứng nhận sử dụng form đính kèm

7.2 Tài liệu liên quan

- TT – 4.2.4 : Thủ tục kiểm soát hồ sơ chất lượng
- TT – 7.2 : Thủ tục các quá trình liên quan đến khách hàng
- TT – 7.5.3a : Thủ tục hệ thống mã số công việc, mã số chứng thư
- TT – 7.5a : Thủ tục kiểm soát quá trình cung cấp dịch vụ
- TT – 7.5c : Thủ tục kiểm soát quá trình thanh toán
- TT – 4.6CN : Thủ tục các điều kiện chung cho việc cấp, cấp lại, giám sát, mở rộng phạm vi, cảnh cáo, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận
- TT – 14CN : Thủ tục sử dụng logo và dấu hiệu chứng nhận
- Các hướng dẫn chứng nhận VietGAP, phân bón, thép, dệt may, hữu cơ trồng trọt

7.3 Phụ lục

Phụ lục 1: Danh mục sản phẩm chứng nhận

phụ lục 2: Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất/HTQLCL

phụ lục 3: Nội dung, trình tự, các nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp

Phụ lục 1
ĐANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN

TT	Tên sản phẩm	Phương thức chứng nhận	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn thủ tục chứng nhận (quy định riêng)
I.	Phân bón	Phương thức 7 Phương thức 5	HD-7.5CN/07-2 HD-7.5CN/07-3 HD-7.5CN/07a Các văn bản quy định pháp luật liên quan
II.	Sản phẩm dệt may	Phương thức 7 Phương thức 5	HD-7.5CN/08-1 HD-7.5CN/08-2 Các văn bản quy định pháp luật liên quan
III.	Sản phẩm thép, thép không gỉ, thép làm cốt bê tông	Phương thức 7	HD-7.5CN/06-1 HD-7.5CN/06-2 HD-7.5CN/06-3 Các văn bản quy định pháp luật liên quan
IV	Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP trồng trọt	Phương thức 3 hoặc Phương thức 5 hoặc phương thức 6	HD-7.5CN/01-TT Các văn bản quy định pháp luật liên quan
V	Sản phẩm trồng trọt hữu cơ	Phương thức 5	HD-7.5CN/10 Các văn bản quy định pháp luật liên quan

Việc chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn/quy phạm cho một đối tượng sản phẩm cụ thể được thực hiện theo quy định riêng do FCC ban hành và phù hợp với qui định của pháp luật.

Phụ lục 2

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT/HTQLCL❖ **Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:**

- Việc đánh giá quá trình sản xuất phải xem xét đầy đủ tới các điều kiện kiểm soát của nhà sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm nhằm đảm bảo duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Các điều kiện kiểm soát bao gồm:
 - a) Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);
 - b) Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm;
 - c) Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm;
 - d) Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;
 - đ) Kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;
 - e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

❖ **Phân loại điểm phát hiện**

- **Lỗi NC nặng:** Là những lỗi không đáp ứng một yêu cầu cụ thể theo chuẩn mực, mang tính hệ thống và tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.
- **Lỗi NC nhẹ:** Là lỗi đơn lẻ không phù hợp với chuẩn mực hay qui định trong hệ thống chất lượng của cơ sở và không tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

Chú thích: các lỗi nhẹ nếu có liên quan với nhau, mang tính hệ thống có thể qui là một lỗi nặng.

- **Khuyến cáo/OB:** Lỗi phát hiện trong quá trình đánh giá nhằm mục đích để cải tiến. Đây là lỗi đơn lẻ.

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm:.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu Giám sát/kiểm soát	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện tổ chức
(ký tên, đóng dấu)

- Trường hợp nhà sản xuất đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm, hàng hoá được đánh giá, không cần phải đánh giá quá trình sản xuất.

Đánh giá sự phù hợp hệ thống quản lý**YÊU CẦU VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

1. Cơ sở đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của TCVN ISO 9001 hoặc một tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng tương đương chưa?
☐ có ☐ không
 Nếu có hãy cung cấp bản sao sổ tay chất lượng và /hoặc tài liệu hệ thống quản lý chất lượng.
2. Phạm vi của chứng nhận này có bao trùm lên các hoạt động sản xuất và/hoặc cung ứng loại sản phẩm được yêu cầu chứng nhận không?
☐ có ☐ không
3. Hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở đã được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận đã được công nhận?
☐ có ☐ không
 (Nếu có hãy cung cấp bản sao chứng chỉ chứng nhận hiện hành)
Trong trường hợp này có thể không cần đánh giá hệ thống quản lý

4. Yêu cầu về hệ thống tài liệu

- 4.2.3 Kiểm soát tài liệu ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
 (Tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, qui trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm)
- 4.2.4 Kiểm soát hồ sơ ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp

5. Trách nhiệm và quyền hạn

- 5.5.1. Trách nhiệm và quyền hạn ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
- 5.5.2. Đại diện lãnh đạo chất lượng ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
- 5.6. Xem xét lãnh đạo ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp

6. Quản lý nguồn lực

- 6.2. Nguồn nhân lực ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
 (Tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật)
- 6.3. Cơ sở hạ tầng ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
 (Trang thiết bị công nghệ)
- 6.4. Môi trường làm việc ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp

7. Tạo sản phẩm

- 7.1. Lập kế hoạch tạo sản phẩm ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
- 7.4. Mua hàng ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
- 7.5. Sản xuất
- 7.5.1. Kiểm soát sản xuất ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp
- 7.5.3. Nhận biết và xác nhận nguồn gốc sản phẩm ☐ phù hợp ☐ Không phù hợp

7.5.4. Bảo toàn sản phẩm

☐ phù hợp☐ Không phù hợp

7.6. Kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường

☐ phù hợp☐ Không phù hợp**8. Đo lường, kiểm tra**8.2.4. Theo dõi đo lường sản phẩm ☐ phù hợp☐ Không phù hợp

(Chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm)

8.3. Kiểm soát sản phẩm KPH

☐ phù hợp☐ Không phù hợp

8.5. Hành động khắc phục

☐ phù hợp☐ Không phù hợp

Phụ lục 3
NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG
CÁC PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN
Ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Phương thức 1: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa

Phương thức 1 thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa để chứng nhận về sự phù hợp. Chứng nhận về sự phù hợp có giá trị đối với kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa đã được lấy mẫu thử nghiệm.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 1 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

- Xác định kiểu, loại của sản phẩm, hàng hóa.
- Tiến hành lấy mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa.
- Số lượng đơn vị sản phẩm, hàng hóa của mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

1.2. Thử nghiệm mẫu:

a) Thử nghiệm mẫu phục vụ chứng nhận hợp chuẩn

Việc thử nghiệm mẫu phục vụ chứng nhận hợp chuẩn được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật, bao gồm cả tổ chức thử nghiệm của nhà sản xuất. Khuyến khích tổ chức chứng nhận sử dụng tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định.

b) Thử nghiệm mẫu phục vụ chứng nhận hợp quy

Việc thử nghiệm mẫu phục vụ chứng nhận hợp quy được thử nghiệm tại tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa cần thử nghiệm và phương pháp thử nghiệm được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.3. Xử lý kết quả:

Xem xét kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của mẫu đại diện cho kiểu, loại, sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.4. Chứng nhận về sự phù hợp

Kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nếu tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nguyên tắc sử dụng phương thức 1

Phương thức 1 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp sự phù hợp của kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa phụ thuộc cơ bản vào thiết kế sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại.

II. Phương thức 2: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường

Phương thức 2 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa để chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa. Việc đánh giá giám sát sau đó được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa lấy trên thị trường.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 2 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Thử nghiệm mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Xử lý kết quả:

Xem xét kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.4. Chứng nhận về sự phù hợp

a) Kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nếu tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b) Chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa có giá trị hiệu lực tối đa 05 năm, với điều kiện sản phẩm, hàng hóa được thực hiện đánh giá giám sát theo quy định.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức chứng nhận, căn cứ mức độ rủi ro, đặc tính kỹ thuật, mức độ ổn định, trình độ công nghệ, vòng đời và bản chất sử dụng của sản phẩm, hàng hóa để xem xét, quyết định thời hạn hiệu lực cụ thể.

1.5. Giám sát:

a) Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được tiến hành hoạt động đánh giá giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường. Thời điểm đánh giá giám sát phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a1) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro cao, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

a2) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

a3) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro thấp, tổ chức chứng nhận quyết định tần suất đánh giá giám sát trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức chứng nhận và tổ chức, doanh nghiệp được đánh giá.

b) Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

c) Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng phương thức 2:

Phương thức 2 được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện có nguy cơ rủi ro về an toàn, sức khỏe, môi trường;

b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại;

c) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa có khả năng bị biến đổi trong quá trình phân phối, lưu thông trên thị trường;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có các biện pháp hữu hiệu để thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình

giám sát.

III. Phương thức 3: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất.

Phương thức 3 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất để chứng nhận về sự phù hợp. Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát được lấy tại nơi sản xuất.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 3 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Việc đánh giá quá trình sản xuất phải xem xét đầy đủ tới các điều kiện kiểm soát của nhà sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm nhằm đảm bảo duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các điều kiện kiểm soát bao gồm:

- a) Hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm);
- b) Toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm;
- c) Chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm;
- d) Trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;
- đ) Trình độ, năng lực công nhân và cán bộ kỹ thuật;
- e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

1.4. Xử lý kết quả:

- Xem xét kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Xem xét sự phù hợp của quá trình sản xuất so với yêu cầu quy định tại mục 1.3 của phương thức này.

1.5. Chứng nhận về sự phù hợp:

a) Chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp nếu đảm bảo đủ 2 điều kiện sau:

a1) Tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

a2) Kết quả đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với yêu cầu.

b) Chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa có giá trị hiệu lực tối đa 05 năm, với điều kiện sản phẩm, hàng hóa được thực hiện đánh giá giám sát theo quy định.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức chứng nhận, căn cứ mức độ rủi ro, đặc tính kỹ thuật, mức độ ổn định, trình độ công nghệ, vòng đời và bản chất sử dụng của sản phẩm, hàng hóa để xem xét, quyết định thời hạn hiệu lực cụ thể.

1.6. Giám sát:

a) Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được tiến hành hoạt động đánh giá giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử

nghiệm trong giám sát được lấy tại nơi sản xuất. Thời điểm đánh giá giám sát phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a1) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro cao, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;
- a2) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;
- a3) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro thấp, tổ chức chứng nhận quyết định tần suất đánh giá giám sát trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức chứng nhận và tổ chức, doanh nghiệp được đánh giá;
- b) Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.
- c) Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 3:

Phương thức 3 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

- a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện có nguy cơ gây mất an toàn, sức khỏe, môi trường cao hơn so với sản phẩm, hàng hóa được đánh giá theo phương thức 2;
- b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;
- c) Cần quan tâm tới việc duy trì ổn định các đặc tính chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất;
- d) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa về bản chất ít hoặc không bị biến đổi trong quá trình phân phối lưu thông trên thị trường;
- đ) Khó có biện pháp hữu hiệu để thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình giám sát.

IV. Phương thức 4: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường.

Phương thức 4 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất để chứng nhận về sự phù hợp. Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua việc thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát được lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 4 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Tiến hành như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 3.

1.4. Xử lý kết quả:

Tiến hành như quy định tại mục 1.4 của Phương thức 3.

1.5. Chứng nhận về sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.5 của Phương thức 3.

1.6. Giám sát:

a) Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được tiến hành hoạt động đánh giá giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát được lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường. Thời điểm đánh giá giám sát phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a1) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro cao, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

a2) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

a3) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro thấp, tổ chức chứng nhận quyết định tần suất đánh giá giám sát trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức chứng nhận và tổ chức, doanh nghiệp được đánh giá;

b) Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

c) Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 4:

Phương thức 4 được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện:

a) Cần sử dụng một phương thức có độ tin cậy cao như phương thức 5, nhưng cho phép linh hoạt trong việc sử dụng các biện pháp giám sát để giảm được chi phí;

b) Cần sử dụng một phương thức được áp dụng phổ biến nhằm hướng tới việc thừa nhận lẫn nhau các kết quả chứng nhận sự phù hợp.

V. Phương thức 5: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường

Phương thức 5 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý để chứng nhận về sự phù hợp. Việc đánh giá giám sát sau đó được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 5 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất hoặc đánh giá hệ thống quản lý:

a) Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất: tiến hành như quy định tại 1.3 của Phương thức 3.

b) Đánh giá sự phù hợp của hệ thống quản lý tiến hành như sau:

- Đánh giá sự phù hợp về hệ thống tài liệu (Chính sách, mục tiêu quản lý; Sổ tay hệ thống quản lý (nếu có); Quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu; Hồ sơ chứng minh việc thực hiện).

- Đánh giá việc triển khai và vận hành hệ thống (Việc áp dụng chính sách và mục tiêu trong thực tế; Thực hiện các quá trình theo cách tiếp cận quá trình và dựa trên rủi ro; Kiểm soát hoạt động, nguồn lực, năng lực và nhận thức).

- Đánh giá tuân thủ yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu pháp luật (Nhận diện và tuân thủ các yêu cầu pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan).

- Đánh giá hoạt động đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo (Đánh giá nội bộ: kế hoạch, năng lực đánh giá viên, kết quả và theo dõi; Xem xét của lãnh đạo: cam kết, quyết định cải tiến, phân bổ nguồn lực).

- Xác định sự không phù hợp và hành động khắc phục (Phát hiện và phân loại sự không phù hợp; Phân tích nguyên nhân; Hành động khắc phục và theo dõi hiệu lực).

1.4. Xử lý kết quả:

- Xem xét kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu của mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Xem xét sự phù hợp của quá trình sản xuất so với yêu cầu quy định tại mục 1.3 của Phương thức 3 hoặc xem xét sự phù hợp của hệ thống quản lý so với yêu cầu quy định tại mục 1.3 của Phương thức này hoặc cả hai.

1.5. Chứng nhận về sự phù hợp

a) Chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp nếu đảm bảo đủ 2 điều kiện sau:

a1) Tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

a2) Kết quả đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu.

b) Chứng nhận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa có giá trị hiệu lực tối đa 05 năm, với điều kiện sản phẩm, hàng hóa được thực hiện đánh giá giám sát theo quy định.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức chứng nhận, căn cứ mức độ rủi ro, đặc tính kỹ thuật, mức độ ổn định, trình độ công nghệ, vòng đời và bản chất sử dụng của sản phẩm, hàng hóa để xem xét, quyết định thời hạn hiệu lực cụ thể.

1.6. Giám sát:

a) Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được tiến hành hoạt động đánh giá giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường. Thời điểm đánh giá giám sát phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a1) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro cao, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

a2) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro trung bình, thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước;

- a3) Đối với sản phẩm hàng hoá có mức độ rủi ro thấp, tổ chức chứng nhận quyết định tần suất đánh giá giám sát trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức chứng nhận và tổ chức, doanh nghiệp được đánh giá;
- b) Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.
- c) Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 5:

Phương thức 5 được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

- a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện có nguy cơ gây mất an toàn, sức khỏe, môi trường cao hơn so với sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận sự phù hợp theo phương thức 4;
- b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;
- c) Cần quan tâm tới việc duy trì ổn định các đặc tính chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất;
- d) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất ổn định trong quá trình sản xuất và bị biến đổi trong quá trình phân phối lưu thông trên thị trường;
- đ) Có biện pháp cho phép thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình giám sát.

VI. Phương thức 6: Chứng nhận thông qua đánh giá và giám sát hệ thống quản lý

Phương thức 6 căn cứ vào việc đánh giá hệ thống quản lý để chứng nhận về sự phù hợp của hệ thống quản lý với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 6 bao gồm:

1.1. Đánh giá sự phù hợp của hệ thống quản lý:

- Hệ thống quản lý được đánh giá theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Báo cáo kết quả đánh giá đối chiếu với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.2. Chứng nhận về sự phù hợp:

Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá, chứng nhận về sự phù hợp của hệ thống quản lý với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Chứng nhận về sự phù hợp của hệ thống quản lý có giá trị hiệu lực tối đa 5 năm với điều kiện hệ thống quản lý được đánh giá giám sát.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức chứng nhận, căn cứ đặc tính kỹ thuật, trình độ và mức độ ổn định của công nghệ, phạm vi và mức độ phức tạp trong vận hành hệ thống quản lý để xem xét, quyết định thời hạn hiệu lực cụ thể.

1.3. Giám sát hệ thống quản lý.

- Giám sát thông qua việc đánh giá hệ thống quản lý với tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/1 lần hoặc theo thời gian giám sát cụ thể quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Kết quả giám sát là căn cứ để quyết định tiếp tục duy trì, đình chỉ, hủy bỏ sự phù hợp của hệ thống quản lý.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 6:

Phương thức 6 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của các quá trình, dịch vụ, môi trường có hệ

thống quản lý theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

VII. Phương thức 7: Chứng nhận thông qua thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa

Phương thức 7 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được lấy ngẫu nhiên, lấy đủ số mẫu để đảm bảo tính đại diện toàn bộ lô hàng cho lô sản phẩm, hàng hóa để ra chứng nhận về sự phù hợp của lô. Chứng nhận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho lô sản phẩm, hàng hóa cụ thể và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 7 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Mẫu thử nghiệm là mẫu được lấy ngẫu nhiên, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng.

Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Xử lý kết quả:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm mẫu với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.4. Chứng nhận về sự phù hợp:

Lô sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp với quy định nếu số lượng mẫu thử nghiệm có kết quả không phù hợp nằm trong giới hạn cho phép.

Lô sản phẩm, hàng hóa được xem là không phù hợp với quy định nếu số lượng mẫu thử nghiệm có kết quả không phù hợp vượt quá giới hạn cho phép.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 7:

Phương thức 7 được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện:

- a) Sản phẩm, hàng hóa được phân định theo lô đồng nhất;
- b) Không tiến hành xem xét được các yêu cầu đảm bảo duy trì ổn định chất lượng.

VIII. Phương thức 8: Chứng nhận thông qua thử nghiệm hoặc giám định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa

Phương thức 8 căn cứ kết quả thử nghiệm hoặc giám định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa để chứng nhận về sự phù hợp trước khi đưa ra lưu thông, sử dụng, vận hành. Chứng nhận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho từng sản phẩm, hàng hóa đơn chiếc và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 8 bao gồm:

1.1. Xác định sản phẩm, hàng hóa cần được thử nghiệm hoặc giám định;

1.2. Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa:

a) Việc thử nghiệm hoặc giám định sản phẩm, hàng hóa do tổ chức thử nghiệm, giám định đăng ký lĩnh vực hoạt động có năng lực tiến hành tại nơi sản xuất, nơi lắp đặt, nơi sử dụng hoặc tại tổ chức thử nghiệm, giám định.

Khuyến khích sử dụng tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định được công nhận.

b) Các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa cần thử nghiệm, giám định và phương pháp thử nghiệm, giám định được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.3. Xử lý kết quả:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm hoặc kết quả giám định so với yêu cầu.

1.4. Chứng nhận về sự phù hợp:

Sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp nếu tất cả các chỉ tiêu của sản phẩm, hàng hóa được thử nghiệm hoặc giám định phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nguyên tắc sử dụng của Phương thức 8:

Phương thức 8 được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trước khi đưa vào lưu thông, sử dụng, vận hành./.